

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

I./ THÔNG TIN CHUNG:

1./ Thông tin khái quát:

- Tên công ty đầy đủ: **Công ty Cổ phần Du Lịch và Thương mại DIC.**
- Tên giao dịch: Tourist and Trade DIC Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: DIC T & T.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500592920 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu cấp lần đầu ngày 27/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/05/2017.
- Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần: 112.943.230.000 đồng Việt Nam (VND)
- Trụ sở chính: 169 đường Thùy Vân, TP Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu.
- Điện thoại: 0254 3525275 Fax: 0254. 3525274
- Website: www.dicct.com.vn
- Mã cổ phiếu: DCD

2./ Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh khách sạn, du lịch; Vận chuyển hành khách đường thủy, đường bộ; Vận chuyển hành khách du lịch đường bộ; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành trong nước và nước ngoài;
- Kinh doanh thương mại, hàng hóa dùng cho sản xuất và tiêu dùng;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cánh ngầm.

- Địa bàn kinh doanh của Công ty: Tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu và khu vực Miền Đông, Miền Tây Nam bộ.

- Các mốc thời gian và sự kiện chính :

+ *Tiền thân của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là Nhà nghỉ Bộ Xây dựng tại TP. Vũng tàu. Nhà nghỉ Bộ Xây dựng được thành lập ngày 26/05/1990 với nhiệm vụ ban đầu của Nhà nghỉ là kinh doanh dịch vụ du lịch và làm công tác điều dưỡng theo kế hoạch của Bộ Xây dựng giao.*

+ *Quá trình hoạt động kinh doanh từ năm 1990 - 2001, Nhà nghỉ Bộ Xây dựng lần lượt được đổi tên thành Khách sạn Thùy Vân, Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.*

+ *Ngày 08/04/2003, Công ty DIC Du lịch 100% vốn nhà nước được thành lập trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị trực thuộc của Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng là: Khách sạn Vũng tàu, Xi nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Du lịch và Khách sạn Thùy Tiên.*

+ Năm 2005- 2006, Công ty DIC Du lịch tiến hành đầu tư mới và đưa vào hoạt động Khách sạn DIC Star với 88 phòng ngủ tiêu chuẩn 04 sao nằm trong khuôn viên đất của Khách sạn Vũng tàu Cap Saint Jacques.

+ Ngày 27/07/2007, Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (DIC T&T) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng.

+ Ngày 20/11/2009: Chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký tập trung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

+ Ngày 28/09/2011, hoàn thành việc phát hành thêm cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty từ 75.000.000.000 đồng lên 112.943.230.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2011.

- Tình hình hoạt động SXKD 2007-2018:

+ Ổn định tổ chức, xác định chiến lược kinh doanh.

+ Tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, củng cố và hoàn thiện chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đã có.

+ Từng bước nghiên cứu và triển khai thêm các sản phẩm dịch vụ mới.

+ Đầu tư nâng cấp Đợt 1 Khách sạn Vũng tàu, Khách sạn DIC Star để đề nghị Tổng Cục Du lịch xem xét nâng hạng và cấp sao cho cụm khách sạn.

+ Ngày 23/07/2008 Tổng Cục trưởng Tổng cục Du lịch ban hành Quyết định số 150/QĐ-TCDL công nhận Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu đạt tiêu chuẩn 04 sao cấp quốc gia.

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật Cụm Khách sạn DIC Star – Vũng tàu và Xi nghiệp DIC Du lịch Biển để tương xứng với tiêu chuẩn cụm khách sạn 04 sao.

+ Trong năm 2017: Sáp nhập các bộ phận chuyên môn cùng chức năng của khách sạn DIC Star và khách sạn Cap saint Jacques nhằm giảm chi phí quản lý, điều hành; Xóa bỏ các bộ phận chức năng tại các đơn vị (kế toán, tổ chức, kinh doanh) xây dựng mô hình tập trung do Công ty quản lý, tránh phân tán, qua nhiều tầng nấc trong công tác chuyên môn; Thành lập phòng Cung ứng – Vật tư – Xây dựng cơ bản; Giải thể Bộ phận kinh doanh thương mại Pepsi kể từ tháng 07/2017.

+ Trong năm 2018: Ổn định và hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của năm 2017; Giải thể Bộ phận kinh doanh thương mại Bia Sài Gòn vào tháng 12/2018.

3./ Mô hình quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy quản lý:

a./ Cơ cấu tổ chức của Công ty:

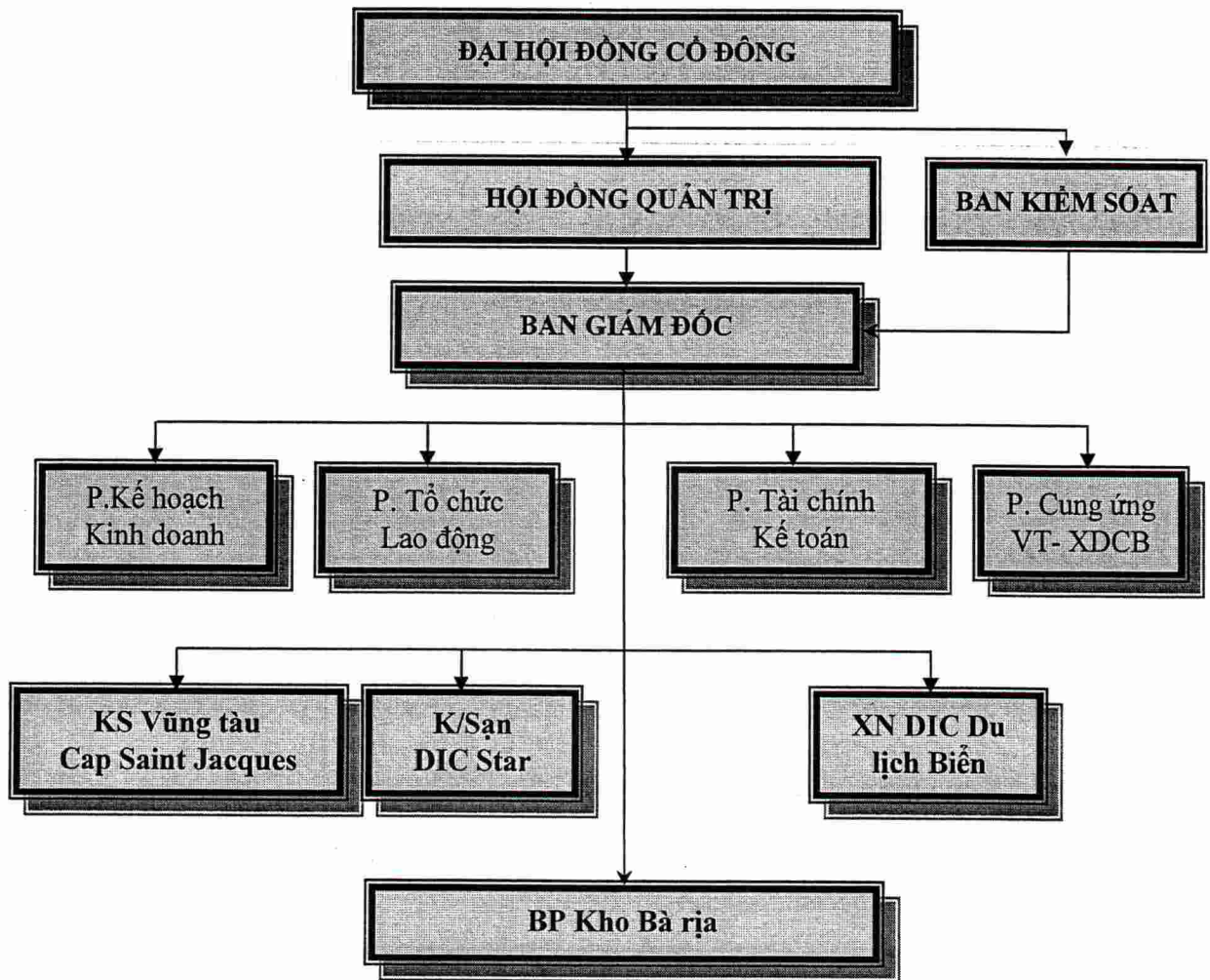
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn;

- Luật và các quy định khác có liên quan;

- Điều lệ của Công ty Cổ Phần Du lịch và Thương mại DIC do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



b./ Đại hội đồng cổ đông:

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và thông qua:

- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của HĐQT;
- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán;
- Quyết định bầu và bãi miễn nhiệm hoặc thay thế thành viên HĐQT, BKS;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua bán có giá trị từ 50% trở lên so với tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã phát hành;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

c./ Hội đồng quản trị:

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

d./ Ban kiểm soát:

BKS của Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của HĐQT;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

e./ Giám đốc Công ty:

- Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Giám đốc có nhiệm vụ:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Và một số nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

f./ Các phòng ban trong Công ty:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC bao gồm 04 Phòng chức năng và các đơn vị chuyên môn. Các phòng ban thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả và đúng pháp luật. Cụ thể:

• Phòng Tổ chức hành chính:

Phòng Tổ chức hành chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, tiền lương và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan đến lĩnh vực hành chính quản trị cơ quan trong phạm vi Công ty. Phòng Tổ chức hành chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng trình Giám đốc phương án, đề án tổng thể về bộ máy tổ chức, nhân sự của các phòng, ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;
- Xây dựng, trình Giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức, biên chế, quy chế làm việc của các phòng ban Công ty, các đơn vị chuyên môn;
- Xây dựng kế hoạch, phương án tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng lao động để đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị;
- Xây dựng đơn giá tiền lương chung và đơn giá tiền lương cho từng đơn vị trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Xây dựng các quy chế, quy định, trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, nội quy cơ quan;
- Thực hiện việc quản lý hồ sơ của người lao động, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu, công văn đến, đi của Công ty theo đúng quy trình, thủ tục và quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

• Phòng Kế toán tài chính:

Phòng Kế toán tài chính là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của đơn vị đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Phòng Kế toán tài chính có nhiệm vụ:

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Tổ chức xây dựng bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với mô hình, cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức kiểm tra, xét duyệt các báo cáo kế toán, thống kê, các báo cáo quyết toán của các đơn vị cấp dưới gửi lên; lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán cho cấp trên và các cơ quan của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Kiểm kê tài sản, đánh giá lại tài sản, giải quyết và xử lý các khoản thiếu hụt, mất mát, hư hỏng, các khoản nợ khó đòi và các khoản thiếu hụt khác theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức thu thập thông tin kinh tế, thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty thường xuyên, nhằm đánh giá đúng tình hình kết quả và hiệu quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

• **Phòng Kế hoạch kinh doanh:**

Phòng Kế hoạch kinh doanh là bộ phận chức năng giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch kinh doanh, đề ra các phương án tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch đã được phê duyệt. Lập các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế trong phạm vi Công ty. Phòng Kế hoạch kinh doanh tổng hợp có nhiệm vụ:

- Lập các phương án đổi mới phương thức kinh doanh, mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, tham mưu giúp Giám đốc đề ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm tăng nhanh số lượng và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đánh giá chính xác công tác quản lý, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng phục vụ tại các đơn vị;
- Tổ chức điều tra, nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình thị trường; xây dựng các chiến lược quảng cáo, tiếp thị nhằm mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ;
- Đàm phán, thiết lập các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ;
- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng thời kỳ, cho từng lĩnh vực kinh doanh của toàn Công ty. Xây dựng các kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, dài hạn cho từng đơn vị, cho từng sản phẩm;
- Xây dựng và lập các phương án, đề án liên doanh, liên kết phát triển kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ của Công ty;
- Nghiên cứu lập các dự án và thẩm định các dự án đầu tư trình Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định;
- Tổ chức quản lý dự án trước, trong và sau khi đầu tư;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

• **Phòng Cung ứng – Vật tư – Xây dựng cơ bản:**

- Quản lý công tác cung ứng vật tư, hàng hóa, nguyên vật liệu;
- Quản lý công tác đầu tư, sửa chữa nâng cấp tài sản theo đúng quy định;
- Tìm kiếm nguồn hàng, lựa chọn các nhà cung cấp phù hợp với doanh nghiệp trình lãnh đạo Công ty xem xét, ký kết hợp đồng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

• **Trách nhiệm và quyền hạn của các Trưởng đơn vị:**

Mỗi một đơn vị chuyên môn có một Trưởng đơn vị. Trưởng đơn vị có chức năng nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả các mặt công tác tại đơn vị mình quản lý. Quyết định, hoặc đề nghị Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, phân phối tiền lương, đối với CBCNV tại đơn vị trong phạm vi thẩm quyền theo Quy chế tuyển dụng và quản lý lao động của Công ty;
- Đề nghị Công ty thành lập mới, chia tách, giải thể, sát nhập các bộ phận trực thuộc, nhằm đảm bảo ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Chủ động phân công công việc cho nhân viên thuộc quyền quản lý; xem xét, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các công việc đã giao; Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực được giao; Trực tiếp báo cáo với Giám đốc về các công việc được giao và chủ động phối hợp với các đơn vị khác để thực hiện nhiệm vụ;

- Đình chỉ công tác của nhân viên đơn vị mình trong trường hợp cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhưng phải báo cáo cho Giám đốc không quá 24 giờ sau đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công ty.

g./ Các đơn vị trực thuộc và địa bàn kinh doanh:

- o Văn phòng Công ty trực tiếp kinh doanh thương mại;
- o Khách sạn Vũng Tàu;
- o Khách sạn Ngôi sao DIC;
- o Xí nghiệp DIC Du lịch biển;

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4./ Định hướng phát triển:

a./ Mục tiêu:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh du lịch và thương mại.

- Xây dựng thương hiệu **DIC T&T, DIC STAR, CAP SAINT JACQUES, DIC TRAVEL** trở thành những thương hiệu nổi tiếng về du lịch và dịch vụ du lịch.

b./ Định hướng phát triển:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

- Xây dựng khu phức hợp căn hộ du lịch, cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – khách sạn DIC Star, khu du lịch biển DIC trở thành Trung tâm du lịch – khách sạn – nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại và đang dạng hóa các loại hình dịch vụ.

5./ Các rủi ro:

Du lịch được xem là ngành công nghiệp không khói và là ngành kinh tế chiến lược của các quốc gia có tiềm năng về du lịch. Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới và ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của nền kinh tế quốc tế. Dưới tác động của kinh tế thế giới và nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Là một đất nước đang phát triển, các thể chế, chính sách cũng như pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên thường có sự thay đổi.

Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc quảng bá hình ảnh đất nước du lịch của Việt Nam vẫn còn hạn chế so với các nước láng giềng lân cận như Thái Lan, Malaysia, Singapore... Sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Lượng khách quốc tế vào Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực. Nếu không có chiến lược phát triển ngành du lịch một cách đồng bộ, Việt Nam sẽ khó cạnh tranh để gia tăng thị phần khách quốc tế với các quốc gia khác trong khu vực. Quá trình Việt Nam gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA... đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khách sạn, du lịch. Cơ hội đang mở ra trước mắt nhưng khó khăn gặp phải cũng sẽ không ít. Các công ty kinh doanh khách sạn, lữ hành trong nước sẽ phải cạnh tranh quyết liệt với các tập đoàn, công ty nước ngoài có thế mạnh về kinh nghiệm, vốn, marketing và mạng lưới đại lý rộng khắp... Bên cạnh đó, hệ thống khách sạn của DIC T&T còn phải cạnh tranh với các khách sạn cùng cấp trên cùng địa điểm hoạt động. Nhiều dự án khách sạn, resort quy mô lớn của các công ty trong và ngoài nước đang được xây dựng khắp các trung tâm du lịch trong đó có TP. Vũng Tàu. Với mức độ cạnh tranh gay gắt như thế, các đơn vị kinh doanh khách sạn và lữ hành cần chuẩn bị rất nhiều mặt về vốn, nhân lực, marketing để giữ vững thị phần đã có.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018:

1./ Kết quả hoạt động SXKD năm 2018:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện Năm 2018	Thực hiện/ Kế hoạch
1. Doanh thu thuần (Trđ)	324.000	299.060	92,3%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế (Trđ)	8.200	8.352	101,9%
3. Thu nhập BQ người LĐ/người/tháng (Trđ)	7,0	7,2	102,9%

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 là: 299 tỷ 060 triệu đồng, đạt 92,3% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 8 tỷ 352 triệu đồng, đạt 101,9% kế hoạch.

2./ Tổ chức và nhân sự:

a./ Danh sách Ban điều hành:

Ban giám đốc điều hành gồm có: Giám đốc, Phó Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty.

- Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Bá Phúc	Giám đốc	23/04/2017
Ông Nguyễn Quỳnh Anh	Phó giám đốc	01/10/2018
Ông Đào Thanh Sơn	Kế toán trưởng	23/04/2017

*** GIÁM ĐỐC CÔNG TY - ÔNG PHẠM BÁ PHÚC.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/01/1976
- Nơi sinh: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Sơn – An Hải - Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 705-Chung cư SEAVIEW – P.10 – TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 01/2001 đến tháng 12/2001: Nhân viên phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu
 - + Từ tháng 1/2002 đến tháng 8/2003: Trưởng phòng Kinh doanh KS Vũng Tàu.
 - + Từ tháng 9/2003 đến tháng 12/2005 : TP Kế hoạch Kinh doanh Cty DIC Du lịch.
 - + Từ tháng 1/2006 đến 23/04/2017: Phó Giám đốc Công ty DIC Du lịch
 - + Từ tháng 24/04/2017 đến T12/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, kiêm Giám đốc Xi nghiệp DIC Du lịch Biển thuộc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
- + Chức vụ hiện nay : Thành viên hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, Giám đốc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 1.139.929 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.500 CP
- Đại diện phần vốn DIC Corp: 1.129.429 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY - ÔNG NGUYỄN QUỲNH ANH (Từ 01/10/2018)**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 99/19 Trương Công Định, P3, TP Vũng Tàu, BRVT
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 3/2000 đến tháng 9/2002 : Giám sát Nhà Hàng - Dịch vụ phòng - Phục vụ tiệc khách sạn SOFITEL Sài Gòn
 - + Từ tháng 4/2003 đến tháng 3/2005 : Giám sát cơ khí Nhà Máy Điện Phú Mỹ 2.2.
 - + Từ tháng 8/2005 đến tháng 9/2007 : Nhân viên Phòng Kế Hoạch - Kinh Doanh Công ty Cổ Phần Du Lịch và Thương Mại DIC – DIC T&T
 - + Từ tháng 9/2007 đến tháng 1/2009 : Trưởng phòng Kinh Doanh Khách Sạn DIC Star.
 - + Từ tháng 1/2009 đến tháng 10/2009 : TP Kế hoạch Kinh doanh Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.
 - + Từ tháng 10/2018: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 1/2019 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC kiêm Giám đốc XN DIC Du lịch Biển.

+ Chức vụ hiện nay : Phó Giám đốc Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC, kiêm Giám đốc Xi nghiệp DIC Du lịch Biển thuộc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ : 210 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 210 CP

- Đại diện phần vốn DIC Corp: 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** KẾ TOÁN TRƯỞNG – ÔNG ĐÀO THANH SƠN.**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975

- Nơi sinh: TP. Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Bắc Ninh

- Địa chỉ thường trú: 151/4 Chu Mạnh Trinh, P.8, TP. Vũng tàu.

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:

+ Từ 1996 – 1997: Kế toán sản xuất Công ty TNHH GUNZE Việt Nam.

+ Từ 1997 – 1999: Kiểm soát viên thuế Chi cục Quản lý Thị trường tỉnh BRVT.

+ Từ 1999 – 2001: Kế toán tổng hợp Cty LD Máy Xây dựng Việt Nam – Uraltrac.

+ Từ 2001 – 2003: Kế toán viên Công ty Đầu tư Phát triển – Xây dựng (DIC Corp).

+ Từ 2003 – 07/2007: Kế toán trưởng Cty DIC Du lịch thuộc DIC Corp

+ Từ 07/2007 đến 23/04/2017: Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ tháng 24/04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.

- Số cổ phần nắm giữ hoặc đại diện: 1.139.953 CP

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 10.524 CP

- Đại diện phần vốn DIC Corp: 1.129.429 CP

- Những người có liên quan:

+ Bà Phạm Thị Vân (vợ),

+ Số cổ phần nắm giữ: 46.650 CP.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

b./ Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty: Tính đến thời điểm 31/12/2018, tổng số lao động của Công ty là 303 người.

c./ Chính sách đối với người lao động:

✚ Chính sách đào tạo:

Công ty luôn đề cao và coi trọng con người, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của đơn vị. Vì vậy chính sách đào tạo của Công ty là:

- Việc đào tạo lao động được thực hiện theo kế hoạch. Công ty coi trọng công tác đào tạo và huấn luyện nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và ngoại ngữ; Huy động hợp lý nguồn lực để thực hiện kế hoạch đào tạo.

- Khuyến khích và đào tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người tài giỏi phát huy khả năng của mình để đảm nhiệm những chức vụ, chức danh cao hơn.

✦ Chính sách tiền lương:

Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty.

✦ Chính sách thưởng:

Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh.

✦ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết.

3./ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a./ Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm tài sản trong năm 2018:

HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1. Hệ thống thu gom nước thải tại XN DIC Du lịch Biển kết nối vào Hệ thống xử lý nước thải Cụm KS DIC Star – CSJ.	Triệu đồng	3.000	0
2. Sửa chữa nâng cấp các hạng mục KS Vũng Tàu, Khách sạn DIC Star.	Triệu đồng	6.000	3.883
3. Đầu tư cơ sở vật chất XN DIC Du lịch Biển.	Triệu đồng	3.000	1.584
4. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa tài sản; mua sắm tài sản cố định, CCDC cần thiết phục vụ kinh doanh	Triệu đồng	8.000	8.369
TỔNG CỘNG		20.000	13.836

b./ Tình hình triển khai Dự án Khu phức hợp Cap Saint Jacques:

HANG MỤC ĐẦU TƯ	Tình hình thực hiện
1./ Dự án Khu phức hợp Căn hộ - Khách sạn Cap Saint Jacques	Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh để chuyển sang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất liên quan đến dự án đang được DIC Corp và DIC T&T hợp tác kinh doanh. Tuy nhiên đến hết năm 2018, DIC Corp và DIC T&T vẫn chưa thỏa thuận xong các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh để chuyển sang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

4./Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017	Năm 2018	TL 2018/2017 (%)
1./ Tổng giá trị tài sản	Trđ	170.167	156.798	92.1%
2./ Doanh thu thuần	Trđ	362.191	299.060	82.6%
3./ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Trđ	7.536	5.392	71.5%
4./ Lợi nhuận khác	Trđ	3.140	2.960	94.3%
5./ Lợi nhuận trước thuế	Trđ	10.676	8.352	78.2%
6./ Lợi nhuận sau thuế	Trđ	8.517	6.636	77.9%
7./ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	679	529	77.9%

b./ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
1./ Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	3.82	5.05	1.23
- Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1.01	1.10	0.09
- Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	Lần	0.54	0.70	0.16
2./ Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn				
- Cơ cấu tài sản				
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	24.29%	20.46%	-3.8%
+ Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	75.71%	79.54%	3.8%
- Cơ cấu nguồn vốn				
+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	26.20%	19.80%	-6.4%
+ Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	73.80%	80.20%	6.4%

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/ giảm
3./ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	25.24	25.6	0.39
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2.13	1.9	-0.22
4./ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
+ Lợi nhuận trước thuế/DT thuần + DT tài chính	%	2.77%	2.79%	0.02%
+ Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần + DT tài chính	%	2.21%	2.22%	0.01%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6.04%	5.33%	-0.7%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4.82%	4.23%	-0.6%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	6.53%	5.28%	-1.3%

5./ Cơ cấu cổ đông:

a./ Cổ phần:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 11.294.323 cổ phần
 - Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 11.294.323 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.294.323 cổ phần
 - Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào.

b./ Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Đầu năm 2018		Cuối năm 2018	
	SL CP	Tỷ lệ SH (%)	SL CP	Tỷ lệ SH (%)
1. Cổ đông công ty mẹ:	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
- Tổng Cty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	7.745.373	68,58	7.745.373	68,58
2. Đối tác chiến lược:	800.749	7,09	800.749	7,09
- Cty TNHH 1TV TMDV Bia rượu NGK Sài Gòn	800.749	7,09	800.749	7,09
3. Cổ đông khác:	2.748.201	24,43	2.748.201	24,43
Tổng cộng	11.294.323	100,00	11.294.323	100,00

c./ Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp: Không.

d./ *Giao dịch cổ phiếu quỹ*: Không.

e./ *Các loại chứng khoán khác*: Không.

6./ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a./ *Nguồn nguyên liệu*:

- Với hoạt động đặc thù của doanh nghiệp là kinh doanh hệ thống khách sạn, nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là các loại thực phẩm sử dụng tại nhà hàng (rau quả, hải sản, thịt, cá...) và các loại vật tư trong phòng nghỉ. Nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này chủ yếu ở trong nước và tại địa phương. Nhìn chung, nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này rất dồi dào, phong phú. Chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng tương đối từ 30% đến 60% trong giá vốn hàng bán về dịch vụ ăn uống của Công ty.

- Đối với hoạt động thương mại (kinh doanh bia, thực phẩm) thì nguồn cung cấp chủ yếu từ: Tổng công ty cổ phần Bia NGK Sài Gòn; Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk).

b./ *Tiêu thụ năng lượng*: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện lưới quốc gia và điện máy phát. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nguồn năng lượng mặt trời cho hệ thống nước nóng phục vụ khách du lịch.

c./ *Tiêu thụ nước*: Mức tiêu thụ nước của Công ty hàng năm dao động từ : 100.000 m³ – 150.000 m³. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của doanh nghiệp là các đơn vị cấp nước thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu. Công ty đã hoàn thành việc đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm Khách sạn Cap Saint Jacques – DIC Star – DLB.

d./ *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*: Công ty luôn ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm, Công ty không bị xử phạt do vi phạm các hành vi vi phạm môi trường.

e./ *Chính sách liên quan đến người lao động*:

Công ty thực hiện chế độ làm việc cho người lao động là 8 giờ trong một ngày, mỗi tuần làm việc 6 ngày từ thứ 2 đến thứ 7. Các chế độ nghỉ lễ, Tết được Công ty giải quyết theo đúng quy định Nhà nước. Ngoài ra, do đặc thù của từng loại công việc, các đơn vị trực thuộc Công ty có thể tự sắp xếp thời giờ làm việc theo ca, khoán doanh thu và nghỉ ngơi phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng không trái với quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Người lao động làm việc đủ 12 tháng tại Công ty được nghỉ phép năm theo quy định và được Công ty thanh toán tiền lương nghỉ phép theo chế độ. Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhiệm cho người lao động. Thu hút và khuyến khích người tài giỏi mang hết khả năng để phục vụ Công ty. Công ty đưa ra chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh. Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ, nhân viên; quan tâm đến CB – CNV trong các ngày lễ tết.

III./ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1./Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2018:

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ	
					TH 2018/ KH 2018	TH 2018/ TH 2017
I/ CHỈ TIÊU DOANH THU		362,191	324,000	299,060	92.3%	82.6%
- Doanh thu thương mại	Trđ	266,170	224,312	211,193	94.2%	79.3%
- Doanh thu phòng ngủ	Trđ	42,743	42,260	38,862	92.0%	90.9%
- Doanh thu ăn, uống, giải khát	Trđ	35,849	37,386	31,500	84.3%	87.9%
- Doanh thu dù ghế, giải trí biển	Trđ	10,131	10,045	7,308	72.8%	72.1%
- Doanh thu phòng họp, mặt bằng	Trđ	4,276	5,506	5,774	104.9%	135.0%
- Doanh thu khác	Trđ	8,874	4,491	6,089	135.6%	68.6%
(*) Loại trừ doanh thu, gĩ vốn nội bộ:	Trđ	-5,852		-1666	-	28.5%
II/ CHỈ TIÊU PHỤC VỤ KHÁCH						
1. Tổng số lượt khách lưu trú	Lượt	56,827	59,200	57,441	97.0%	101.1%
-Khách quốc tế	Lượt	19,265	19,200	23,924	124.6%	124.2%
-Khách trong nước	Lượt	37,562	40,000	33,517	83.8%	89.2%
2. Tổng số ngày khách lưu trú	Ngày	69,930	72,000	67,980	94.4%	97.2%
- Ngày khách quốc tế	Ngày	21,724	22,000	26,044	118.4%	119.9%
- Ngày khách trong nước	Ngày	48,206	50,000	41,936	83.9%	87.0%
3. Công suất sử dụng buồng ngủ	%	46.17%	47.00%	42.07%	89.5%	91.1%
III/ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Trđ	10,676	8,200	8,352	101.9%	78.2%
IV./ NỢP NGÂN SÁCH NN:	Trđ	9,500	9,000	10,440	116.0%	109.9%

*** Khối kinh doanh cho thuê phòng ngủ:**

Doanh thu khối phòng ngủ toàn công ty năm 2018 là: 38 tỷ 862 triệu đồng, đạt 91,96% kế hoạch, giảm 3 tỷ 881 triệu đồng so với năm 2017. Tổng số lượt khách lưu trú tại năm 2018 là: 57.411 lượt, đạt 97,3% kế hoạch. Tổng số ngày khách phục vụ năm 2018 là: 67.980 ngày, đạt 94,42% kế hoạch.

*** Khối kinh doanh ăn uống, giải khát:** Doanh thu khối ăn uống giải khát năm 2018 là: 31 tỷ 500 triệu đồng, đạt 84,26% kế hoạch, giảm 4 tỷ 349 triệu đồng so với năm 2017. Trong năm 2018, Nhà hàng DIC Lotus vẫn khai thác được lượng khách đoàn ổn định góp phần duy trì sự ổn định doanh thu; nhà hàng Cùm khách sạn DIC Star – Cap Saint Jacques có sự giảm sút, Công ty đang tìm các giải pháp để đẩy mạnh doanh số hàng ăn uống tại bộ phận này.

*** Khối kinh doanh dịch vụ giải trí biển:** Doanh thu dịch vụ giải trí biển năm 2018 là: 7 tỷ 308 triệu đồng, đạt 72,76% kế hoạch, giảm 2 tỷ 823 triệu đồng so với năm 2017.

*** Khối kinh doanh thương mại:** Tổng doanh thu kinh doanh thương mại năm 2018 đạt 211 tỷ 193 triệu đồng, đạt 94,15% kế hoạch, giảm 54 tỷ 977 triệu đồng so với năm 2017. Doanh thu kinh doanh mặt hàng Bia Sài Gòn giảm mạnh so với năm 2017. Doanh thu kinh doanh sữa Vinamilk có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2017.

*** Khối kinh doanh phòng họp, cho thuê mặt bằng, ki ốt, kinh doanh tạp hoá, giữ xe:** Doanh thu khối phòng họp, cho thuê mặt bằng, giữ xe của công ty là: 5 tỷ 774 triệu, đạt 104,87% kế hoạch, tăng 1 tỷ 498 triệu đồng so với năm 2017.

*** Hoạt động kinh doanh khác:** Doanh thu hoạt động kinh doanh khác của công ty là: 6 tỷ 089 triệu đồng, đạt 135,59% kế hoạch.

2.3/ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

a./ Đối với dự án khu phức hợp Cap Saint Jacques:

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua chủ trương thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh để chuyển sang hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất liên quan đến dự án đang được DIC Corp và DIC T&T hợp tác kinh doanh. Hiện nay, DIC Corp và DIC T&T đang trong triển khai các bước công việc tiếp theo

b./ Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm tài sản trong năm 2018:

Công ty đã thực hiện việc đầu tư sửa chữa và mua sắm tài sản trong năm 2018 như sau: Làm mới các kiot, hệ thống phòng ngủ Bungalow; cải tạo văn phòng làm việc XN DIC Du lịch Biển; đầu tư hệ thống mái kính lấy sáng sân trong, phòng họp đa năng; cải tạo sửa chữa hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời, hệ thống phòng cháy chữa cháy Cụm Khách sạn DIC Star – Cap Saint Jacques; thay thế Tivi, máy lạnh, khăn tắm, drap, rèm cửa cho khối ngủ Cụm Khách sạn DIC Star – Cap Saint Jacques.

2.4/ Tình hình chi lương và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN: Thu nhập bình quân người lao động năm 2018 đạt khoảng 7,2 triệu đồng/người/tháng, tăng 11% so với năm 2017. Tiền lương hàng tháng của người lao động được công ty quan tâm chi trả kịp thời. Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC đã thực hiện tốt việc trích và nộp quỹ BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn theo chế độ quy định.

2.5/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước:

a./ Đối với việc kê khai và nộp các loại thuế GTGT, TTĐB, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp: Đơn vị chấp hành kê khai, lập báo cáo với cơ quan Thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và các sắc thuế hiện hành; phát sinh phải nộp được đơn vị thanh toán cho NSNN kịp thời, không để xảy ra việc nợ thuế với nhà nước. Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2018 của Công ty: 10,4 tỷ đồng.

b./ Đối với việc kê khai, hạch toán và nộp tiền thuê đất cho 02 lô đất được Công ty kế thừa từ khi cổ phần hóa đến nay:

*** Về lô đất có diện tích 26.345,1 m²:** Đây là lô đất thuộc Dự án Bãi tắm Thùy Vân, TP. Vũng tàu. Lô đất này trước đây được Công ty Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Du lịch – Bộ Xây dựng (DIC Corp) thuê đất theo Quyết định số 2340/QĐ-UBT ngày 04/09/1997 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng tàu V/v Cho phép các tổ chức kinh tế thuê lại mặt bằng đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Bãi tắm Thùy Vân, TP. Vũng tàu với Công ty Xây lắp Vũng tàu và đơn vị đã ký Hợp đồng kinh tế số 175/HĐ.DABS ngày 08/12/1997 với Công ty Xây lắp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 19/01/2006, Bộ Xây dựng ký Quyết định số 135/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp trong mô hình thí điểm Công ty mẹ – Công ty con của Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng; Ngày 21/9/2006, Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng tiến hành lập biên bản bàn giao phần diện tích 8.185,3m² tại đường Thùy Vân – Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu cho Công ty DIC du lịch; Ngày 22/3/2007, Bộ Xây dựng ký Quyết định số 455/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty DIC du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng; Ngày 05/7/2007, Bộ Xây dựng ký Quyết định số 977/QĐ-BXD về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty DIC du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng thành công ty cổ phần; Ngày 27/7/2007, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3500592920;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc rà soát việc sử dụng đất tại khu vực Bãi sau, thành phố Vũng Tàu, ngày 02/06/2017 Chánh Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định Thanh tra số 95/QĐ-TTr về việc thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai tại Bãi tắm Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu; Ngày 17/09/2018, Thanh tra tỉnh ban hành Văn bản số 261/KL-TTr công bố kết luận thanh tra; Ngày 05/10/2018 Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 174/QĐ-TTr về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC với số tiền là: **50.197.485.068 đồng** và Quyết định số 179/QĐ-TTr về việc thu hồi tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC với số tiền **4.129.143.908 đồng**. Tại kết luận thanh tra, Cơ quan Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu áp dụng Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2014): *"Đối với trường hợp chưa có quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất nhưng đang sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải thuê đất theo quy định của Luật Đất đai thì mục đích sử dụng đất để xác định tiền thuê đất trả hàng năm theo mục đích thực tế đang sử dụng"* để tính tiền thuê đất đối với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (trước đây là Công ty Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Du lịch) là không phù hợp và số tiền thu hồi nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC tại Quyết định số 174/QĐ-TTr và Quyết định số 179/QĐ-TTr chưa có cơ sở tính toán hợp lý nên Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC đã có Văn bản số 118/2018/CV-DIC T&T ngày 25/10/2018 để khiếu nại các quyết định trên. Từ thời điểm gửi văn bản khiếu nại đến nay, Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC chưa nhận được văn bản trả lời của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về các nội dung mà Công ty đã khiếu nại. Vì vậy, trong thời gian chờ đợi văn bản trả lời khiếu nại khiếu nại của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC tiếp tục căn cứ Hợp đồng kinh tế số 175/HĐ.DABS ngày 08/12/1997 giữa Công ty Xây lắp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Công ty Đầu tư xây dựng và Dịch vụ Du lịch (trước đây) và Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (bây giờ) để thực hiện việc kê khai, hạch toán và nộp tiền thuê đất năm 2018.

b./ Về lô đất có diện tích 8.185,3 m²: Đây là lô đất tại địa chỉ 169 Thùy Vân, P8, TP. Vũng Tàu, trước đây UBND tỉnh Công ty Đầu tư Xây dựng và Dịch vụ Du lịch – Bộ Xây dựng (DIC Corp) thuê đất tại Quyết định số 56/QĐ-UBT ngày 08/01/1998 và đơn vị đã ký Hợp đồng thuê đất số 29/HĐ/TĐ ngày 13/01/1998 với Sở Địa chính – nay là STNMT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 19/01/2006, Bộ Xây dựng ký Quyết định số 135/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp trong mô hình thí điểm Công ty mẹ – Công ty con của Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng; Ngày 21/9/2006, Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng tiến hành lập biên bản bàn giao phần diện tích 8.185,3m² tại đường Thùy Vân – Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu cho Công ty DIC du lịch; Ngày 22/3/2007, Bộ Xây dựng ký Quyết định số 455/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty DIC du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng; Ngày 05/7/2007, Bộ Xây dựng ký Quyết định số 977/QĐ-BXD về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty DIC du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng thành công ty cổ phần; Ngày 27/7/2007, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3500592920; Ngày 07/7/2008, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ký ban hành Quyết định số 2308/QĐ-UBND về việc thu hồi 8.185,3m² tại đường Thùy Vân – Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Vũng Tàu. Và cho Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC tiếp tục thuê toàn bộ diện tích đất thu hồi trên để sử dụng vào mục đích kinh doanh khách sạn; và ngày 30/7/2008, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất số 49/HĐTĐ với Công ty cổ phần Du lịch

và Thương mại DIC; theo đó, tại Quyết định số 2308/QĐ-UBND và Hợp đồng thuê đất số 49/HĐTĐ này có quy định: “Thời hạn thuê đất là: 38 năm 06 tháng, kể từ ngày 27/7/2007 – ngày Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh... Tiền thuê đất được tính từ ngày 27/7/2007... với phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm.”

Ngày 21/10/2008, Sở Tài chính đã có công văn số 2436/STC-QLGCS về việc xác định đơn giá cho thuê đất thuộc dự án: Kinh doanh Khách sạn của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (diện tích: 8.185,3), cụ thể như sau:

1/ Đơn giá thuê đất năm 2007 (tiền thuê đất tính từ ngày 27/7/2007 – là ngày Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT1}) = 20.000 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT2}) = 12.000 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT3}) = 8.400 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

2/ Đơn giá thuê đất 05 năm tiếp theo (tính từ ngày 16/7/2008 – là ngày Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC nhận bàn giao đất thực địa đến hết ngày 15/07/2013):

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT1}) = 30.000 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT2}) = 18.000 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT3}) = 12.600 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

Tuy nhiên, ngày 24/10/2013, Sở Tài chính đã có công văn số 2666/STC-QLGCS về việc điều chỉnh đơn giá thuê đất thuộc dự án: Kinh doanh Khách sạn của Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (diện tích: 8.185,3), với đơn giá thuê đất điều chỉnh áp dụng năm 2013 như sau:

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT1}) = 374.400 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT2}) = 168.480 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

$$+ (\text{ĐL1}, \text{VT3}) = 117.945 \text{ đồng/m}^2/\text{năm}.$$

Đơn giá thuê đất theo Văn bản công văn số 2666/STC-QLGCS tăng hơn 1000% so với kỳ thuê đất ổn định 05 năm liền kề trước đó. Vì vậy, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã và đang làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để tiến hành xác định số tiền thuê đất phải nộp theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước hiện hành.

2./ Tình hình đầu tư tài chính dài hạn: Đến cuối năm 2018, Công ty chỉ còn 01 khoản đầu tư tài chính dài hạn là cổ phiếu của Công ty CPTM Bia Sài Gòn Trung tâm với tổng giá trị đầu tư là 43 triệu đồng (4.300 cổ phiếu x 10.000 đ/cp). Lợi nhuận đầu tư của cổ phiếu này khá ổn định với mức chia cổ tức hàng năm bình quân trên 10%.

3./ Tình hình tài chính:

a./ Tình hình tài sản – nguồn vốn của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2018:

Tài sản (trđ)		Nguồn vốn (trđ)	
I. Tài sản ngắn hạn	32.080	I. Nợ phải trả	31.051
- Tiền và khoản tương đương	4.350	- Nợ ngắn hạn	29.150
- Tài sản ngắn hạn khác	27.730	- Nợ dài hạn	1.901

II. Tài sản dài hạn	124.718	II. Vốn chủ sở hữu	125.747
Tổng cộng	156.798	Tổng cộng	156.798

b./ *Tình hình nợ phải thu, nợ trả:*

- Công nợ phải thu khách hàng: Đơn vị tổ chức theo dõi chi tiết công nợ theo từng đối tượng khách hàng; cuối quý thực hiện việc đối chiếu công nợ; việc phân công thu hồi nợ được giao cụ thể cho các bộ phận trực tiếp bán hàng, phòng Tài chính Kế toán thực hiện giám sát thu hồi và đôn đốc nợ. Các khoản phải thu khác được đơn vị quản lý chặt chẽ theo quy định.

- Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi: Trong năm không phát sinh tăng các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Ngoài việc đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn và phát sinh hàng tháng, Công ty tập trung theo dõi và đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng của năm trước. Tổng giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm 2018 là: 799 trđ, giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối năm 2018 là 802 trđ, tăng 3 trđ.

- Các khoản vay được quản lý chặt chẽ, tuân thủ các quy định của hợp đồng vay vốn; Các khoản phải trả khách hàng chủ yếu là công nợ luân chuyển và được đơn vị theo dõi chi tiết theo mã đối tượng, nội dung phát sinh nợ;

4./ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Công ty luôn đặt tiêu chuẩn và chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, đảm bảo theo quy chuẩn của Khách sạn 4 sao từ trang thiết bị, đầu tư đến trình độ ngoại ngữ và tay nghề của CBCNV v.v... Hiện nay, Công ty đã đầu tư cho Cụm khách sạn những hệ thống thiết bị quản lý hiện đại như sau:

- Hệ thống cửa khóa từ quản lý bằng phần mềm mã vạch;
- Hệ thống kết sắt tự động đóng mở bằng thẻ từ tiện lợi;
- Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời quản lý bằng hệ thống điều khiển trung tâm;
- Hệ thống wifi indoor – out door phủ song toàn bộ cụm khách sạn quản lý bằng phần mềm vi tính.
- Hệ thống máy vi tính của Công ty được trang bị hệ thống máy chủ hiện đại, nối mạng nội bộ và Internet băng thông rộng ADSL.

Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi phần mềm quản lý hệ thống khách sạn sang phần mềm **Gihotech** nhằm tăng cường sự liên kết tất cả các bộ phận như lễ tân, buồng, bàn, bếp, kinh doanh, kế toán để giảm thiểu công việc thủ công, bớt sai sót và phục vụ khách nhanh chóng, kịp thời, chất lượng cao. Hiện tại Công ty đang liên kết với các trang web đặt chỗ qua mạng như: www.agoda.vn, www.booking.com, www.genaresasia.com ... Thông qua các trang web này đã làm tăng một lượng đáng kể khách du lịch đến nghỉ tại cụm khách sạn DIC. Công ty cũng đang chủ động xây dựng hệ thống đặt phòng trực tuyến trên website của Công ty và dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.

Nhận thức sâu sắc về vấn đề thương hiệu, Công ty đã nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng. Trong những năm qua, thương hiệu của Công ty đã được biết đến rộng rãi và tạo niềm tin với du khách trong nước cũng như du khách quốc tế. Với mục tiêu mở rộng và phát triển thị trường để tìm kiếm các hợp đồng mới có giá trị, phát triển các hoạt động kinh doanh, hàng năm Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn thực hiện chủ trương đẩy mạnh hoạt động marketing, xây dựng các chiến lược nhằm duy trì khách hàng cũ và mở rộng được mạng lưới khách hàng mới như:

phát hành thẻ VIP, giảm giá dịch vụ, tặng sản phẩm cho khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng.

5./ Kế hoạch phát triển tương lai:

- Tập trung phát triển du lịch và dịch vụ du lịch là ngành nghề kinh doanh chính và nền tảng cơ bản cho mọi hoạt động kinh doanh khác.

- Đẩy mạnh doanh thu của đơn vị thông qua việc khai thác kinh doanh sang lĩnh vực cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh trong ngành du lịch.

- Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết, hợp tác khai thác kinh doanh các dự án khách sạn, khu du lịch cao cấp với thế mạnh là đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và am hiểu quy trình quản lý điều hành công việc.

6./ Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

7./ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nước thải sinh hoạt của các bộ phận, đơn vị trực thuộc đều được thu gom qua hệ thống xử lý tập trung đáp ứng tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Đối với các chất thải rắn, chất thải công nghiệp Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng chuyên môn trong tỉnh để thu gom và xử lý theo quy định. Định kỳ 06 tháng các đơn vị bộ phận của Công ty đều có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1./ Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2018 là một năm hoạt động thành công của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC; các mặt hoạt động của Công ty đều hoàn thành và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, thu nhập, đời sống người lao động được ổn định.

2./ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2018, Hoạt động SXKD tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC luôn chấp hành đúng các chính sách của pháp luật hiện hành, điều lệ hoạt động của Công ty. Căn cứ các quy định của pháp luật và Điều lệ và các quy chế hoạt động của đơn vị, Ban Giám đốc công ty đã tiến hành soạn thảo và ban hành bổ sung các nội quy, quy định nội bộ để cụ thể hoá, quy định chi tiết chức năng nhiệm vụ của các phòng ban chức năng công ty. Các quy định này là hành lang pháp lý phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty và các phòng ban chức năng đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả SXKD năm 2018, chỉ tiêu doanh thu không hoàn thành kế hoạch nhưng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đơn vị đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3./ Kế hoạch, định hướng của HĐQT:

Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC là một trong những khách sạn có nhiều phòng nhất tại thành phố Vũng Tàu và là một trong những đơn vị kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch dẫn đầu của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về chất lượng cũng như về doanh số kinh doanh. Bên cạnh đó, là một trong những đơn vị dẫn đầu ngành du lịch, khách sạn của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, DIC T&T có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai. Với vị trí kinh doanh thuận lợi, diện tích mặt bằng kinh doanh khách sạn rộng

rãi (hơn 10.000 m²) và khu vực bãi biển dài hơn 320m, diện tích hơn 20.000 m² là cơ hội tốt để DIC T&T phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu. Thời gian tới DIC T&T sẽ tập trung phát triển theo chiều sâu, nâng cao đẳng cấp và chất lượng sản phẩm dịch vụ và coi đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả và cải tiến lợi nhuận cho doanh nghiệp.

** Triển vọng phát triển của ngành:*

Ngành du lịch đang từng bước trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam với tiềm năng phát triển rất lớn như các địa danh, ẩm thực nổi tiếng,... có sức hấp dẫn du khách cao. Định hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam trong thời gian tới là phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, huy động tối đa nguồn nhân lực trong nước và tranh thủ sự hợp tác, hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ khu vực, phấn đấu đưa du lịch Việt Nam được xếp vào nhóm quốc gia có ngành du lịch phát triển trong khu vực.

Việt Nam có bờ biển dài và đẹp, thiên nhiên phong phú; giao thông, khí hậu thuận lợi nên tiềm năng phát triển du lịch của Việt Nam là rất lớn. Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong những tỉnh có cửa ngõ giao lưu giữa Việt Nam và thế giới, có hệ thống đường biển, đường sông và đường hàng không rất thuận tiện. Bà Rịa - Vũng Tàu đang từng bước khẳng định thế mạnh du lịch của mình, nhờ lợi thế về tiềm năng thiên nhiên và nhân văn phong phú. Bà Rịa - Vũng Tàu là một quần thể thiên nhiên hài hòa, sơn thủy hữu tình, có những dãy Núi Lớn - Núi Nhỏ - Minh Đạm, Núi Dinh che chắn, xa xa biển Đông có Côn Đảo bao bọc, ở gần có Long Sơn quy tụ. Với những lợi thế và tiềm năng to lớn nói trên, trong xu thế xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu về du lịch vui chơi, giải trí ngày càng cao. Định hướng phát triển du lịch và dịch vụ du lịch của Công ty rất phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và kinh tế thế giới.

V./ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1./ Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp, ban hành 17 nghị quyết và nhiều biên bản cuộc họp để triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành sửa đổi bổ sung một số nội quy, quy chế hoạt động của đơn vị; phê duyệt các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần sở hữu và đại diện	Tỷ lệ/ VĐL
Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch	23/04/2017	6.776.576	60.00%
Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên	23/04/2017	2.258.859	20.00%
Ông Phạm Bá Phúc	Thành viên	23/04/2017	1.139.929	10.09%
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên	23/04/2017	1.139.953	10.09%

*** Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:**

*** CHỦ TỊCH HĐQT – ÔNG VŨ THANH BÌNH:**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1968
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 15/10 Hoàng Văn Thụ, P.7, TP Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1990 đến 2007: Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsopetro.
 - + Từ 2007 – 04/2011: Phó chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng
 - + Từ 04/2011 – 03/2016: Chánh Văn phòng - Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng;
 - + Từ tháng 03/2016 đến 23/04/2017: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.
 - + Từ tháng 24/04/2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.
 - + Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch và Thương mại DIC.
- Số cổ phần nắm giữ : 6.776.576 CP
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 CP
 - Đại diện phần vốn DIC Corp: 6.776.576 CP
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** TV HĐQT – ÔNG NGUYỄN VĂN QUYẾN**

- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 13/09/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 273 556 606 Ngày cấp: 14/7/2012, Nơi cấp: CA tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: G28 Khu bến đĩnh 3, phường 9, Tp. Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành TCKT
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 4/1979- 1988: Học và Công tác tại Trường Cao đẳng cảnh sát 2, Trường Cao đẳng XD số 7, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;

+ 1988- 4/1997: Chuyên viên Tài chính – Kế toán – XNLM 18/3 thuộc Công ty lắp máy 18;

+ 4/1997 – 8/2001: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán XN lắp máy 18/3 – Công ty Lắp máy 18;

+ 8/2001- 10/2004: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng;

+ 11/2004 -4/2015: Phó Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng;

+ Từ T5/2015 – T4/2017: Giám đốc Ban Quản lý vốn đầu tư Ngoài DN – Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng.

+ Từ T4/2017 – T1/2018: Giám đốc Ban Quản lý vốn đầu tư Ngoài DN – Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T1/2018 – T12/2018: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T12/2018 - Nay: Giám đốc Ban Quản lý Đất đai và Bất động sản Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Chức vụ nơi đang công tác: Phó Giám đốc Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần nắm giữ hoặc đại diện: 2.258.859 cổ phần

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 CP

+ Đại diện phần vốn DIC Corp: 2.258.859 CP

- Những người có liên quan:

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

* TV HĐQT – ÔNG PHẠM BÁ PHÚC (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

* TV HĐQT – ÔNG ĐÀO THANH SƠN (xem trình bày ở phần Ban Giám đốc)

2./ Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 23/04/2017

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:*** Trưởng Ban kiểm soát – Bà NGUYỄN THỊ HIỀN**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 08/3/1967 Nơi sinh: Hà Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 273098187 Ngày cấp: 16/4/1998 Nơi cấp: CA BR-VT

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 13 - Lô C – Ngô Đức Kế - P.7 – TP Vũng Tàu

- Số điện thoại liên lạc: 0938031968

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

- Quá trình công tác:

+ Từ năm 1987 đến năm 1993: Nhân viên – Công ty dịch vụ Du lịch Dầu khí Việt Nam.

+ Từ năm 1994 - đến năm 1995: Nhân viên – Trường đào tạo nhân lực Dầu khí;

+ Từ năm 1996 - đến năm 1998: Nhân viên – Công ty TM&DV tỉnh BR-VT;

+ Từ năm 1999 - đến năm 2000: Phụ trách kế toán – XN sửa chữa giàn khoan & các phương tiện dầu khí – Công ty VIMEXCO;

+ Từ năm 2000 đến tháng 9/2001: Kế toán trưởng – Công ty Hàng Hải Thái Bình Dương;

+ Từ tháng 10/2001 – T4/2017: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng.

+ Từ tháng T4/2017 – T1/2018: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

+ Từ T1/2018 - Nay: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần được đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Bà Phan Thị Thanh Loan**

- Giới tính: Nữ

- Ngày, tháng, năm sinh: 27/03/1992

- Nơi sinh: Hưng Yên

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 145442102 Ngày cấp: 31/07/2007 Nơi cấp: CA Hưng Yên

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Trần Thượng, Trần Cao, Phù Cừ, Hưng Yên

- Chỗ ở hiện tại: 133/14 Huyện Trần Công Chúa, Tp Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2014 – T4/2017: Chuyên viên Ban Quản lý vốn đầu tư ngoài Doanh nghiệp Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.
 - + Từ tháng T4/2017 – T1/2018: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Quản lý vốn Tổng Công ty CP Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.
 - + Từ T1/2018 - Nay: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Tổ Đầu tư Tài chính - Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng.

- Số lượng cổ phần đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

*** Thành viên Ban kiểm soát – Ông Hoàng Anh Dũng.**

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 06/09/1987

- Nơi sinh: Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa

- Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 172677336, ngày cấp: 02/05/2008, nơi cấp: CA Tỉnh Thanh Hóa

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa

- Địa chỉ thường trú: Chung cư Lasike A1 – Phường Nguyễn Anh Ninh – TP.Vũng Tàu

- Chỗ ở hiện tại: Chung cư Lasike A1 – Phường Nguyễn Anh Ninh – TP.Vũng Tàu

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Doanh Nghiệp; Cử nhân Kế toán kiểm toán

- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 10/2010 – 2015: Nhân viên Phòng KH và PTDA thuộc DIC Corp.

- + Từ 2015-Tháng 9/2016: Cán bộ Biệt phái của DIC Corp tại DIC T&T.

- + Từ Tháng 10/2016 – T4/2017: Trợ lý Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC

- + Từ tháng T4/2017 – Nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại DIC.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Chức vụ công tác hiện nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT.

- Số lượng cổ phần đại diện hoặc sở hữu : 0 CP

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3./ Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

a./ Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý:

Vị trí chức danh	Tiền Lương	Tiền thù lao, thưởng, phụ cấp	Tổng cộng
1./ Ông Vũ Thanh Bình - Chủ tịch HĐQT	476.512.898	96.424.140	572.937.038
2./ Ông Nguyễn Văn Quyển - Thành viên HĐQT.	0	36.000.000	36.000.000
3./ Ông Phạm Bá Phúc - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	262.014.376	112.262.140	374.276.516
4./ Ông Đào Thanh Sơn – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.	181.922.000	95.695.140	277.617.140
5./ Ông Nguyễn Quỳnh Anh – Phó Giám đốc Công ty (Từ 01/10/2018)	235.669.850	48.464.140	284.133.990
6./ Bà Nguyễn Thị Hiền - Trưởng Ban Kiểm soát.	0	24.000.000	24.000.000
7./ Ông Hoàng Anh Dũng - Thành viên Ban kiểm soát.	143.566.552	13.180.140	156.746.692
8./ Bà Phan Thị Thanh Loan - Thành viên Ban kiểm soát.	0	12.000.000	12.000.000
Cộng:	1,299,685,676	438,025,700	1,737,711,376

b./ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ từ khi đăng ký giao dịch Upcom: Không.

c./ Hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ: Không.

IV./ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2018 ĐÃ KIỂM TOÁN: Toàn văn báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán theo Phụ lục 01 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI DIC



Vũ Thanh Bình

PHỤ LỤC 01

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
VÀ THƯƠNG MẠI DIC**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát

Công ty được chuyển đổi từ Công ty 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 977/QĐ-BXD ngày 05 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "V/v Chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng thành Công ty Cổ phần".

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500592920 (Số cũ 4903000405), đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.

Công ty có các Chi nhánh sau:

Tên	Địa chỉ
Khách sạn Vũng Tàu	Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Khách sạn Ngôi sao DIC	Số 169 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Xí nghiệp DIC Du lịch biển	Số 02 đường Thùy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Bá Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyển	Thành viên
Ông Đào Thanh Sơn	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Bá Phúc	Giám đốc	
Ông Nguyễn Quỳnh Anh	Phó Giám đốc	Từ ngày 01/10/2018
Ông Đào Thanh Sơn	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
Bà Phan Thị Thanh Loan	Thành viên
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Vũ Thanh Bình

Chủ tịch

TP. Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Số: 58-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC, được lập ngày 26/02/2019, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
NAM VIỆT
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Tuấn

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2837-2019-152-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1559-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.079.879.184	41.390.919.294
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.349.703.448	9.486.077.292
1. Tiền	111		4.349.703.448	6.486.077.292
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.462.700.064	12.310.704.827
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.051.383.592	10.453.385.882
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	185.632.000	883.372.549
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.001.543.608	1.720.196.849
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(801.884.143)	(799.349.443)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	26.025.007	53.098.990
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	11.667.046.911	19.301.221.786
1. Hàng tồn kho	141		11.667.046.911	19.301.221.786
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.600.428.761	292.915.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	7.600.428.761	292.915.389
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.718.045.691	128.776.407.660
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		608.377.770	607.369.283
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	608.377.770	607.369.283
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
II. Tài sản cố định	220		116.100.164.226	122.184.361.940
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	107.565.164.226	113.649.361.940
- Nguyên giá	222		175.724.159.995	182.539.027.303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.158.995.769)	(68.889.665.363)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.535.000.000	8.535.000.000
- Nguyên giá	228		8.620.680.000	8.620.680.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.680.000)	(85.680.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.419.234.803	231.832.628
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.419.234.803	231.832.628
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	43.000.000	43.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		43.000.000	43.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.547.268.892	5.709.843.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	6.547.268.892	5.709.843.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.797.924.875	170.167.326.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		31.051.213.205	44.557.705.944
I. Nợ ngắn hạn	310		29.150.441.635	41.063.034.374
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	13.053.025.173	21.542.627.878
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	957.686.331	440.095.416
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	841.851.337	625.363.733
4. Phải trả người lao động	314		4.348.439.150	5.781.198.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	10.800.000
6. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		122.727.273	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.101.966.956	1.313.458.052
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	7.888.094.940	10.923.753.469
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		836.650.475	425.737.619
II. Nợ dài hạn	330		1.900.771.570	3.494.671.570
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.188.624.500	886.524.500
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	712.147.070	2.608.147.070
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.746.711.670	125.609.621.010
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	125.746.711.670	125.609.621.010
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		112.943.230.000	112.943.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(173.000.000)	(173.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.516.413.704	3.664.741.848
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.460.067.966	9.174.649.162
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.824.143.950	657.930.601
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.635.924.016	8.516.718.561
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.797.924.875	170.167.326.954

Người lập biểu



Dương Hương Giang

Kế toán trưởng



Đào Thanh Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thanh Bình

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	299.060.487.581	362.191.340.842
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		299.060.487.581	362.191.340.842
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236.942.187.833	291.800.552.631
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		62.118.299.748	70.390.788.211
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	65.469.408	1.412.535.832
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	806.759.871	1.279.897.954
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		806.759.871	1.279.860.563
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	46.871.185.125	56.310.378.687
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.113.706.123	6.677.437.116
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.392.118.037	7.535.610.286
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.105.917.808	3.195.368.059
12. Chi phí khác	32	VI.8	145.746.964	54.870.330
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.960.170.844	3.140.497.729
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.352.288.881	10.676.108.015
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.716.364.865	2.159.389.454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		6.635.924.016	8.516.718.561
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	529	679

Người lập biểu



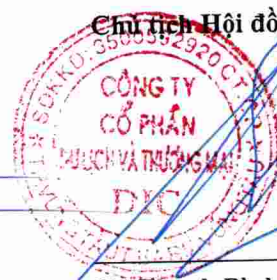
Dương Hương Giang

Kế toán trưởng



Đào Thanh Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thanh Bình

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		8.352.288.881	10.676.108.015
1. Lợi nhuận trước thuế			-	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.721.847.480	5.679.610.382
- Các khoản dự phòng	03		2.534.700	16.449.800
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.195.464)	(1.500.193)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(48.595.486)	(1.919.076.606)
- Chi phí lãi vay	06		806.759.871	1.279.860.563
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.832.639.982	15.731.451.961
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.845.560.336	(923.376.815)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.634.174.875	(9.896.921.279)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.997.893.254)	11.400.650.474
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.468.951.902)	4.598.025.734
- Tiền lãi vay đã trả	14		(806.759.871)	(1.279.860.563)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.791.007.551)	(2.278.353.398)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(440.759.000)	(432.374.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.807.003.615	16.919.242.114
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(6.528.183.909)	(357.423.782)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	723.863.636
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	700.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.112.715	1.412.613.660
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.465.071.194)	2.479.053.514
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		21.288.328.005	19.369.714.859
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(26.219.986.534)	(29.281.800.677)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.548.843.200)	(4.492.723.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.480.501.729)	(14.404.809.768)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.138.569.308)	4.993.485.860
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.486.077.292	4.491.091.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.195.464	1.500.193
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.349.703.448	9.486.077.292

Người lập biểu



Dương Hương Giang

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng



Đào Thanh Sơn



Vũ Thanh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty được chuyển đổi từ Công ty 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 977/QĐ-BXD ngày 05 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng "V/v Chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty DIC Du lịch thuộc Công ty Đầu tư phát triển – Xây dựng thành Công ty Cổ phần".

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3500592920 (Số cũ 4903000405), đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 169 đường Thủy Vân, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh khách sạn; Kinh doanh nhà hàng; Mua bán đồ uống có cồn; Mua bán đồ uống không cồn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 15 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp tối đa không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận và theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

138
ÔNG T
THÊM
VỤ T
INH K
TIẾM T
AM VI
P. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết

khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Tiền mặt	752.839.843	1.374.484.871
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.500.842.753	5.025.269.199
Tiền đang chuyển	96.020.852	86.323.222
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	-	3.000.000.000
Cộng	<u>4.349.703.448</u>	<u>9.486.077.292</u>

2. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>31/12/2018</u>				<u>01/01/2018</u>			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP TM SABECO Trung Tâm	4.300	43.000.000	-	43.000.000	4.300	43.000.000	-	43.000.000
Cộng		<u>43.000.000</u>	<u>-</u>	<u>43.000.000</u>		<u>43.000.000</u>	<u>-</u>	<u>43.000.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lê Công Trà	424.011.048	424.011.048
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	1.656.377.176	1.309.778.962
Công ty CP Sữa Việt Nam	1.159.173.227	2.029.530.792
Công ty CP Dầu Khí Thái Bình Dương	1.259.860.000	1.582.480.000
Các khách hàng khác	3.551.962.141	5.107.585.080
Cộng	8.051.383.592	10.453.385.882

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	1.656.377.176	1.309.778.962

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH SX Thương mại Phương Hiền	61.300.000	133.300.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Nội thất Đức Vinh	-	261.931.359
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Ngôi sao xanh	-	100.229.900
Công ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Việt Á	53.720.000	53.720.000
Các nhà cung cấp khác	70.612.000	334.191.290
Cộng	185.632.000	883.372.549

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	52.230.000	52.230.000

5. Phải thu khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.001.543.608	1.720.196.849
Tạm ứng	541.119.821	691.530.300
Ký cược, ký quỹ	88.000.000	275.110.000
Phải thu khác	372.423.787	753.556.549
Chi Nhánh Công ty CP TM Bia Sài Gòn Miền Đông tại BR – VT	49.083.875	29.188.035
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	241.694.162	502.792.095
Nguyễn Văn Bền	21.738	76.361.377
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	27.534.247
Các khoản phải thu khác	81.624.012	117.680.795

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
b) Phải thu dài hạn khác	608.377.770		607.369.283	
Ký cược, ký quỹ	608.377.770		607.369.283	
Cộng	1.609.921.378		2.327.566.132	
6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Lê Công Trà	424.011.048		424.011.048	
Các khách hàng khác	377.873.095		375.338.395	
Cộng	801.884.143		799.349.443	
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Hàng tồn kho	26.025.007		53.098.990	
Cộng	26.025.007		53.098.990	
8. Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	72.249.600	-	1.653.302.880	-
Nguyên liệu, vật liệu	656.085.194	-	829.830.262	-
Công cụ, dụng cụ	696.804.760	-	622.637.787	-
Hàng hoá	10.224.693.373	-	15.997.189.243	-
Hàng gửi bán	17.213.984	-	198.261.614	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	11.667.046.911	-	19.301.221.786	-
9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Hệ thống xử lý nước thải Xí nghiệp Biển	208.092.126		208.092.126	
Cửa hàng tiện ích	-		23.740.502	
Nhà Bungalow đơn	1.207.969.177		-	
Cải tạo Đồi cỏ cây xanh hồ bơi thành Sân vườn hồ bơi	3.173.500		-	
Cộng	1.419.234.803		231.832.628	

U HẠN
VĂN
TOÁN
DÂN
T
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.066.462.318	9.970.505.368	5.363.331.420	6.832.991.827	4.305.736.370	182.539.027.303
Mua trong năm	-	239.986.364	834.627.273	227.698.400	-	1.302.312.037
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.067.266.163	286.773.364	-	-	-	5.354.039.527
Thanh lý, nhượng bán	(12.008.922.293)	(46.712.700)	-	(487.522.098)	(122.861.400)	(12.666.018.491)
Chuyển sang Đầu tư XDCB	(805.200.381)	-	-	-	-	(805.200.381)
Số dư cuối năm	148.319.605.807	10.450.552.396	6.197.958.693	6.573.168.129	4.182.874.970	175.724.159.995
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	46.903.937.853	8.776.501.327	4.316.935.028	5.925.202.034	2.967.089.121	68.889.665.363
Khấu hao trong năm	4.123.300.953	649.720.413	315.454.768	268.517.257	364.854.089	5.721.847.480
Thanh lý, nhượng bán	(5.332.935.740)	(46.712.700)	-	(487.522.098)	(108.344.171)	(5.975.514.709)
Chuyển sang Đầu tư XDCB	(477.002.365)	-	-	-	-	(477.002.365)
Số dư cuối năm	45.217.300.701	9.379.509.040	4.632.389.796	5.706.197.193	3.223.599.039	68.158.995.769
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	109.162.524.465	1.194.004.041	1.046.396.392	907.789.793	1.338.647.249	113.649.361.940
Tại ngày cuối năm	103.102.305.106	1.071.043.356	1.565.568.897	866.970.936	959.275.931	107.565.164.226

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 65.787.061.265 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.872.121.233 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không.

Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 26/04/2018, Công ty sẽ tiếp tục sửa chữa, nâng cấp các hạng mục Khách sạn Vũng Tàu và Khách sạn DIC Star; Đầu tư hệ thống thu gom nước thải tại Xí nghiệp DIC du lịch Biển kết nối vào hệ thống xử lý nước thải cụm Khách sạn DIC Star – CSJ; Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật Xí nghiệp DIC du lịch Biển bằng nguồn vốn tín dụng và vốn tự bổ sung.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.535.000.000	85.680.000	8.620.680.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	8.535.000.000	85.680.000	8.620.680.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	85.680.000	85.680.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.680.000	85.680.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.535.000.000	-	8.535.000.000
Tại ngày cuối năm	8.535.000.000	-	8.535.000.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 85.680.000 đồng.

Quyền sử dụng đất có diện tích 1.707 m² tại số 265 Lê Hồng Phong (hiện nay là 169 Thủy Vân), phường 8, TP Vũng Tàu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 079594 ngày 13/12/2005 không xác định thời hạn sử dụng, giá trị được đánh giá lại theo Quyết định 1801/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa.

Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT-DIC.T&T ngày 10/01/2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua chủ trương chuyển nhượng khu đất diện tích 1.707 m² và các tài sản trên đất tại Số 169 Thủy Vân, P.8, TP.Vũng Tàu cho Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp). Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty vẫn chưa ký Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng lô đất 1.707 m² và các tài sản trên đất cho DIC Corp.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	7.600.428.761	292.915.389
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	262.425.352	55.640.221
Chi phí sửa chữa	170.785.702	80.091.668
Chi phí mua bảo hiểm	16.986.097	7.183.500
Chi phí DV thẩm định giá	-	150.000.000
Lương, phụ cấp Landmark	206.564.998	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.675.986.553	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018		
	VND	VND		
b) Chi phí trả trước dài hạn	6.547.268.892	5.709.843.809		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.602.877.680	3.876.309.496		
Chi phí sửa chữa thường xuyên	2.769.183.188	1.782.374.939		
Chi phí trả trước dài hạn khác	175.208.024	51.159.374		
Cộng	14.147.697.653	6.002.759.198		
13. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018		
	VND	VND		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	8.552.615.109	16.463.215.939		
Công ty TNHH Huyền Sâm	87.027.196	502.784.132		
Công ty TNHH Đức Phú Cường	917.415.504	-		
Công ty TNHH Thủy Sản Anh Hồng	134.385.500	378.736.700		
Công ty DV Dầu khí Vũng Tàu - OSC	-	362.606.349		
Công ty Cổ phần Nhân Hạnh	-	324.500.000		
Nguyễn Thị Uyên	523.778.000	171.492.000		
Các nhà cung cấp khác	2.837.803.864	3.339.292.758		
Cộng	13.053.025.173	21.542.627.878		
14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018		
	VND	VND		
Phạm Thị Lài	103.177.750	-		
Bùi Thị Sáu	184.448.500	-		
Các khách hàng khác	670.060.081	440.095.416		
Cộng	957.686.331	440.095.416		
15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	425.351.602	6.740.243.766	6.547.196.583	618.398.785
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.879.930	25.174.827	24.498.883	2.555.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	177.441.579	1.716.364.865	1.791.007.551	102.798.893
Thuế thu nhập cá nhân	17.420.623	230.303.009	171.932.670	75.790.962
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.634.985.481	1.600.305.581	34.679.900
Các loại thuế khác	3.269.999	75.457.401	71.100.477	7.626.923
Phí, lệ phí và phải nộp khác	-	17.584.898	17.584.898	-
Cộng	625.363.733	10.440.114.247	10.223.626.643	841.851.337

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Các khoản phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.101.966.956	1.313.458.052
Tài sản thừa chờ xử lý	29.374.716	29.431.596
Kinh phí công đoàn	50.868.161	48.852.823
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	49.603.884	1.101.618
Nhận ký quỹ ký cược	3.000.000	3.000.000
Cổ tức phải trả	701.640.480	603.322.180
Phải trả, phải nộp khác	267.479.715	627.749.835
Phải trả hàng khuyến mãi khách hàng mua sữa Vinamilk	19.549.810	11.305.619
Trần Hoàng Thiên	70.805.525	350.974.550
Các khoản phải trả, phải nộp khác	177.124.380	265.469.666
b) Phải trả dài hạn khác	1.188.624.500	886.524.500
Nhận ký quỹ ký cược	1.188.624.500	886.524.500
Cộng	2.290.591.456	2.199.982.552

17. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	10.923.753.469	22.836.783.497	25.872.442.026		7.888.094.940
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Vũng Tàu ⁽¹⁾	8.998.553.469	21.019.583.497	23.907.242.026		6.110.894.940
Nguyễn Thị Tuyết Bình ⁽²⁾	529.200.000	569.200.000	569.200.000		529.200.000
Ngô Thị Thanh Châu ⁽³⁾	1.248.000.000	1.248.000.000	1.248.000.000		1.248.000.000
Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	148.000.000	-	148.000.000		-
b) Vay dài hạn	2.608.147.070	347.544.508	2.243.544.508		712.147.070
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Vũng Tàu ⁽⁴⁾	2.608.147.070	347.544.508	2.243.544.508		712.147.070
Cộng	13.531.900.539	23.184.328.005	28.115.986.534		8.600.242.010

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/600331/HĐTD ngày 24/08/2018. Hạn mức tín dụng là 38 tỷ đồng. Lãi suất vay 6% - 7,7%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 24/08/2018 đến hết ngày 31/08/2019. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 65 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2018 là 4.214.894.940 đồng.

Phân loại khoản vay dài hạn hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/600331/HĐTH ngày 29/12/2014 về vay ngắn hạn là 1.896.000.000 đồng.

(2) Vay Nguyễn Thị Tuyết Bình theo Hợp đồng vay vốn số 57/2018/HĐVV DIC T&T ngày 25/12/2018. Lãi suất vay 0,5%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay để bổ sung vốn lưu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư nợ vay tại 31/12/2018 là 529.200.000 đồng.

(3) Vay Ngô Thị Thanh Châu theo Hợp đồng vay vốn số 56/2018/HĐVV DIC T&T ngày 21/12/2018. Lãi suất vay 0,5%/tháng, thời hạn vay dưới 12 tháng. Vay để bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư nợ vay tại 31/12/2018 là 1.248.000.000 đồng.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2014/600331/HĐTH ngày 29/12/2014. Lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 06/02/2015. Vay để cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, thay thế trang thiết bị, vật dụng cho Khách sạn Vũng Tàu. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp. Tổng giá trị tài sản đảm bảo: 65 tỷ đồng. Số dư nợ vay tại 31/12/2018 là 2.608.147.070 đồng.

Phân loại khoản vay dài hạn về vay ngắn hạn là 1.896.000.000 đồng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	112.943.230.000	(173.000.000)	3.058.536.758	6.388.069.981	122.216.836.739
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.516.718.561	8.516.718.561
Trích lập các quỹ	-	-	606.205.090	(1.212.410.180)	(606.205.090)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.517.729.200)	(4.517.729.200)
Số dư cuối năm trước	112.943.230.000	(173.000.000)	3.664.741.848	9.174.649.162	125.609.621.010
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.635.924.016	6.635.924.016
Trích lập các quỹ	-	-	851.671.856	(1.703.343.712)	(851.671.856)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.647.161.500)	(5.647.161.500)
Số dư cuối năm nay	112.943.230.000	(173.000.000)	4.516.413.704	8.460.067.966	125.746.711.670

Trong năm 2018, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 26/04/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	%	01/01/2018 VND	%
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	77.453.730.000	68,58	77.453.730.000	68,58
Công ty TNHH MTV Thương mại Sabeco	8.007.490.000	7,09	8.007.490.000	7,09
Cổ đông khác	27.482.010.000	24,33	27.482.010.000	24,33
Cộng	112.943.230.000	100	112.943.230.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	112.943.230.000	112.943.230.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.647.161.500	4.517.729.200

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.294.323	11.294.323
- Cổ phiếu phổ thông	11.294.323	11.294.323
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.294.323	11.294.323
- Cổ phiếu phổ thông	11.294.323	11.294.323

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	88.000.000	380.187.500
Vỏ chai nhận giữ hộ Công ty CP TM Bia Sài Gòn Miền Đông	88.000.000	377.960.000
Vỏ chai nhận giữ hộ khách hàng mua bia	-	2.227.500
b) Ngoại tệ các loại		
USD	3.078,25	3.232,25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
c) Nợ khó đòi đã xử lý	9.297.900	9.297.900
Công ty Liên doanh Hoa Phát	3.882.000	3.882.000
Công ty TNHH Hoàn Hảo	5.415.900	5.415.900
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	211.237.089.546	305.664.419.757
Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.823.398.035	56.526.921.085
Cộng	299.060.487.581	362.191.340.842
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu với bên liên quan	7.069.145.947	3.492.386.403
Tổng Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng	7.069.145.947	3.492.386.403
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	207.291.263.742	284.121.939.723
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.650.924.091	7.678.612.908
Cộng	236.942.187.833	291.800.552.631
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.456.224	56.958.231
Lãi bán cổ phiếu Sabeco	-	1.341.149.676
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.656.491	12.040.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.356.693	2.335.499
Chiết khấu thanh toán	-	27.256
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	25.170
Cộng	65.469.408	1.412.535.832

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	806.759.871	1.279.860.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	37.391
Cộng	806.759.871	1.279.897.954

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	20.311.598.840	26.710.259.075
Chi phí công cụ dụng cụ	7.496.409.284	9.058.952.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.631.867.944	5.598.538.492
Chi phí vật liệu, bao bì	1.220.888.247	1.308.105.341
Chi phí sửa chữa	864.606.567	706.709.463
Chi phí tiền điện nước	5.179.164.405	4.460.749.845
Chi phí khác	6.166.649.838	8.467.064.039
Cộng	46.871.185.125	56.310.378.687

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên quản lý	5.726.056.443	4.327.267.210
Dự phòng phải thu khó đòi	2.534.700	16.449.800
Chi phí khác	3.385.114.980	2.333.720.106
Cộng	9.113.706.123	6.677.437.116

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản	-	508.928.699
Thu thanh lý CCDC	74.050.907	55.996.364
Thu đền bù tài sản	11.273.000	16.040.000
Tiền nhận hỗ trợ, chiết khấu, khuyến mãi	3.004.410.277	2.596.613.745
Thu nhập khác	16.183.624	17.789.251
Cộng	3.105.917.808	3.195.368.059

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý TSCĐ	14.517.229	-
Giá trị của hàng hóa thanh lý	1.517.171	11.624.844
Giá trị còn lại của CCDC thanh lý	13.763.428	14.099.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế GTGT hàng hóa bị hư hỏng	11.628.986	14.017.026
Các khoản bị phạt	23.314.957	13.176.031
Chi phí thiết kế lập dự toán công trình không thực hiện	42.738.200	-
Thuế GTGT bị truy thu	25.128.318	
Chi phí khác	13.138.675	1.953.250
Cộng	145.746.964	54.870.330

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.352.288.881	10.676.108.015
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	177.821.945	120.839.257
Các khoản bị phạt	23.314.957	13.176.031
Thù lao HĐQT, BKS không điều hành trực tiếp	76.000.000	88.000.000
Chi phí Dự phòng nợ phải thu khó đòi	26.529.300	17.686.200
Chi phí không được trừ	92.634.179	14.017.026
Cổ tức	(40.656.491)	(12.040.000)
Tổng lợi nhuận tính thuế	8.530.110.826	10.796.947.272
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.706.022.165	2.159.389.454
Thuế TNDN bị truy thu	10.342.700	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.716.364.865	2.159.389.454

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.635.924.016	8.516.718.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(663.592.402)	(851.671.856)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(663.592.402)	(851.671.856)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.972.331.614	7.665.046.705
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.294.323	11.294.323
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	529	679

EPS năm trước được điều chỉnh hồi tố do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 26/04/2018.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay tạm tính theo tỷ lệ 10% Lợi nhuận sau thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.539.360.074	22.500.498.146
Chi phí nhân công	25.469.957.250	31.037.526.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.721.847.480	5.679.610.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.023.368.098	11.511.729.401
Chi phí khác bằng tiền	11.881.282.437	18.591.943.345
Cộng	85.635.815.339	89.321.307.559

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:	1.191.624.500	889.524.500
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.188.624.500	886.524.500

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-DIC.T&T ngày 26/04/2018 đã thống nhất điều chỉnh hình thức Hợp tác kinh doanh đối với Dự án Khu phức hợp CSJ theo nội dung: Thanh lý Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 21/2016/HĐKTKD ngày 29/04/2016 và chuyển nhượng quyền sử dụng lô đất 1.707 m² và các tài sản trên đất cho DIC Corp.

Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty vẫn chưa Thanh lý Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 21/2016/HĐKTKD ngày 29/04/2016 và chưa ký Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng lô đất 1.707 m² và các tài sản trên đất cho DIC Corp.

2. Nợ tiềm tàng

Đối với tiền thuê đất lô đất Bãi tắm Thùy Vân (Diện tích: 26.345,1 m²):

Theo Quyết định số 174/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 và Theo Quyết định số 179/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC phải nộp tiền thuê đất khu vực bãi tắm Thùy Vân, thành phố Vũng Tàu là 50.197.485.068 đồng và tiền Quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật (đoạn từ Tôm Càng Xanh đến khách sạn Thùy Dương) là 4.129.143.908 đồng. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC không đồng ý với kết luận của Thanh tra và đã có Văn bản khiếu nại số 118/2018/CV-DIC T&T ngày 25/10/2018 gửi Thanh tra tỉnh BRVT. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty chưa nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền về vấn đề này.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

4. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.027.217.366	1.735.933.046

Trong năm 2018, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	Phải thu về cung cấp DV	7.776.060.542
Nguyễn Quỳnh Anh	Phó Giám đốc	Tạm ứng kinh doanh	238.750.000
		Phải thu ngắn hạn khác	395.261.712

Cho đến ngày 31/12/2018, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Tổng Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng	Công ty mẹ	Phải thu về cung cấp DV	1.656.377.176
		Trả trước về cung cấp DV	52.230.000
Nguyễn Quỳnh Anh	Phó Giám đốc	Tạm ứng kinh doanh	198.929.621
		Phải thu ngắn hạn khác	477.051

5. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là Kinh doanh thương mại và Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.349.703.448	9.486.077.292	4.349.703.448	9.486.077.292
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.859.420.827	11.981.602.571	8.859.420.827	11.981.602.571
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	43.000.000	43.000.000	43.000.000	43.000.000
Cộng	13.252.124.275	21.510.679.863	13.252.124.275	21.510.679.863
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	8.600.242.010	13.531.900.539	8.600.242.010	13.531.900.539
Chi phí phải trả	-	10.800.000	-	10.800.000
Phải trả người bán và phải trả khác	15.243.144.584	23.692.655.989	15.243.144.584	23.692.655.989
Cộng	23.843.386.594	37.235.356.528	23.843.386.594	37.235.356.528

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

7. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay vào ngày 31/12/2017 và vào ngày 31/12/2018 (xem thuyết minh V.10 và V.17). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017 và vào ngày 31/12/2018.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng Quản trị cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	21.942.615.024	1.900.771.570	23.843.386.594
Các khoản vay	7.888.094.940	712.147.070	8.600.242.010
Phải trả người bán	13.053.025.173	-	13.053.025.173
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	1.001.494.911	1.188.624.500	2.190.119.411
Số đầu năm	33.740.684.958	3.494.671.570	37.235.356.528
Các khoản vay	10.923.753.469	2.608.147.070	13.531.900.539
Phải trả người bán	21.542.627.878	-	21.542.627.878
Chi phí phải trả	10.800.000	-	10.800.000
Phải trả khác	1.263.503.611	886.524.500	2.150.028.111

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

12. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Dương Hương Giang

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2019

Kế toán trưởng



Đào Thanh Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thanh Bình

